

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 03 – 2023

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**

2. Ông **Võ Tiến Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1976;

ĐKTT: 83/18A B, phường A, quận Ninh Kiều, TP C. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1974;

ĐKTT: 83/18A B, phường A, quận Ninh Kiều, TP C (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Vào năm 1996, bà và ông **Đặng Văn T** quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/1996 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C (cũ). Quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bản thân ông T mê cờ bạc gây nợ nần. Mặc dù đã nhiều lần cố hàn gắn nhưng tình trạng không được cải thiện. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, nên bà rất mong được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 03 con chung là Đặng Lê T1 (nam), sinh năm 1997, Đặng Lê Kim H (nữ), sinh năm 2000 và Đặng Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 16/8/2018. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Lê Ngọc M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Đối với cháu Đặng Lê T1 và cháu Đặng Lê Kim H đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phía bị đơn ông Đặng Văn T có ý kiến tại biên bản lấy lời khai đương sự như sau:* Ông xác định ông và bà Lê Thị Kim C tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận Ninh Kiều, thành phố C. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà là do ông có cờ bạc. Nay, bà C yêu cầu xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà C vì ông có lỗi.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Đặng Lê T1 (nam), sinh năm 1997, Đặng Lê Kim H (nữ), sinh năm 2000 và Đặng Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 16/8/2018. Do ông phải chấp hành án nên đồng ý giao con là cháu Đặng Lê Ngọc M cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông xin không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Đặng Lê T1 và cháu Đặng Lê Kim H đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận không có tài sản chung, nợ chung.

Do phải chấp hành án nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Phía bị đơn – ông Đặng Văn T vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Lê Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Đặng Văn T; xin được nuôi cháu Ngọc M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng; xác định không có tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án, Điều 68, về tư cách tham gia tố tụng Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định, Vụ án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan đến

quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: :

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim C đối với bị đơn ông Đặng Văn T.

Về con chung:

- Đối với Đặng Lê T1 và Đặng Lê Kim H nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với Đặng Lê Ngọc M, đề nghị giao cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C nhận định:

Về thủ tục: Bị đơn ông Đặng Văn T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông, do vậy Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn – ông Đặng Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Kim C có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/1996 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C (cũ) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, khi có phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*”. Do bị đơn ông Đặng Văn T có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày rằng hôn nhân ban đầu là tự tìm hiểu, có tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, bản thân ông T cờ bạc gây nợ nần. Cuộc sống chung hiện nay đã không còn hạnh phúc. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có ý kiến mong muốn được ly hôn vì hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà C và ông T.

Về nuôi con chung: Giữa bà C và ông T có 03 con chung là Đặng Lê T1 (nam), sinh năm 1997, Đặng Lê Kim H (nữ), sinh năm 2000 và Đặng Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 16/8/2018.

- Đối với cháu Đặng Lê T1 (nam), sinh năm 1997 và Đặng Lê Kim H (nữ), sinh năm 2000 nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với cháu Đặng Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 16/8/2018, do hiện cháu M đang sống với bà C, bà C cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và ông T cũng thống nhất giao cháu M cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng vì ông đang phải chấp hành án nên Hội đồng xét xử thấy rằng nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tiếp tục giao cháu M cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do bà C không có yêu cầu. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Đặng Lê Ngọc M, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để dành quyền lợi được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Ngoài ra, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn, bị đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim C và ông Đặng Văn T thuận tình ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung.

- Đặng Lê T1 (nam), sinh năm 1997 và Đặng Lê Kim H (nữ), sinh năm 2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Giao cháu Đặng Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 16/8/2018 cho bà Lê Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu M, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn bà C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000621 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố C được chuyển thành án phí hôn nhân.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- TAND thành phố C;
- THADS quận Ninh Kiều;
- UBND phường A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG